

Từ nghiên cứu Phù Nam đến phát hiện di chỉ Óc Eo: Đóng góp của nhà Hán học Paul Pelliot

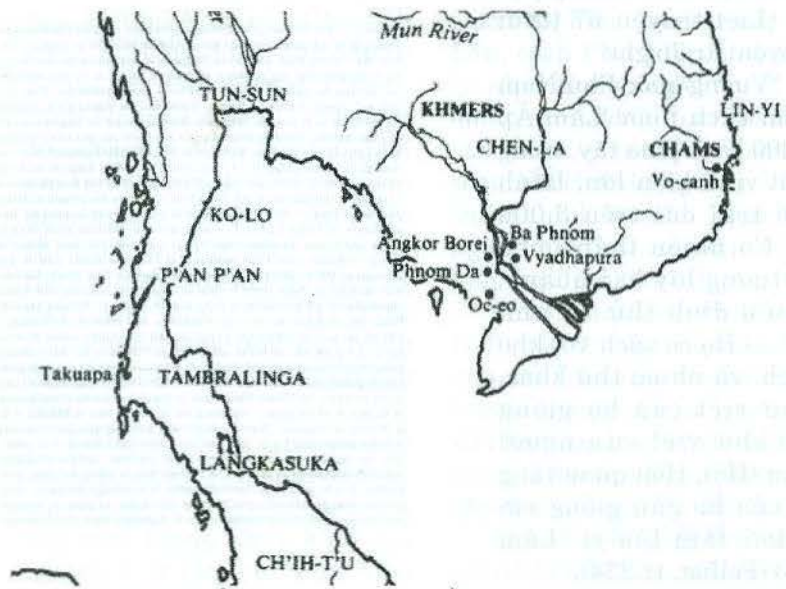
(Tiếp theo số 533)

Trần Thanh Ái

2.2. Tóm tắt nội dung phân tích tài liệu

Sau đây chúng tôi sẽ điểm lại các tài liệu được ghi từ TL1 đến TL22, tương ứng với các đoạn văn được Pelliot xếp thứ tự bằng số La Mã, từ I đến XXII.

TL1: Pelliot ghi nhận nhiều sách vở Trung Hoa còn ghi chép truyền thuyết là vào năm 1110 trước Công nguyên, sứ thần nước Phù Nam đến bái kiến hoàng đế Trung Hoa, nhưng ông nói ngay đó chỉ là huyền thoại. Theo Pelliot, trong số những tài liệu cổ trước Công nguyên nói về chuyến đi sứ này, không có tài liệu nào đáng tin cậy, kể cả những tài liệu được tìm thấy vào thế kỷ III được biết đến với tên *Trúc thư kỷ niên*. Các sách *Tiền Hán thư* (q. 44 thượng, tr.6b) và *Hậu Hán thư* (q. 161, tr.3) cũng có viết về chuyến đi sứ này, nhưng Pelliot quả quyết rằng nó không liên quan đến vương quốc Phù Nam. Theo ông, tài liệu đầu tiên ghi lại sứ thần Phù Nam đến Trung Hoa là cuốn *古今注 Cổ kim chú* nhưng tài liệu này đã bị sai lệch nhiều sau những lần sao chép. Một ca khúc được cho là do 張華 Trương Hoa (232-300) sáng tác khi nói về nhà Tần có nhắc đến



Dựa trên thư tịch cổ, P. Pelliot suy luận rằng Angkor Borei là thủ đô của Phù Nam (Hall K., 1985, tr.75)

Phù Nam trong đoạn: “Nước Phù Nam dùng nhiều phiên dịch” được *Tống thư* chép lại trong chương nói về âm nhạc.

TL2: Sách *Tam quốc chí* do Trần Thọ biên soạn cuối thế kỷ III. Theo Pelliot, đây là bộ chính sử đầu tiên của Trung Hoa có nhắc đến Phù Nam trong đoạn nói về tiểu sử của Lữ Đại dưới thời vị vương đầu tiên nhà Ngô vào nửa đầu thế kỷ III (quyển 60). Lữ Đại lúc ấy là Thứ sử Quảng Đông và Giao

Chi; đoạn liên quan đến Phù Nam như sau:

“Ông phái các 從事 ts'ong-che (tông sự) đi về phương Nam để truyền bá văn minh của vương quốc (南宣國化) (Nam tuyên quốc hóa), và các vua bên kia biên giới, từ Phù Nam, Lâm Ấp, 堂明 T'ang-ming (Đường Minh) gửi sứ giả sang triều cống” (Pelliot, tr.251).

Khi đối chiếu với tài liệu TL18 và TL10, Pelliot xác định được là việc cử đi sứ về phương

Nam này xảy ra vào khoảng 225-230. Khi bài báo đã lên khuôn, ông phát hiện khoảng thời gian này chưa đúng và đính chính ở cuối bài viết là khoảng 245-250 (Pelliot, tr.303). Ngoài ra ông còn bỏ sót một chi tiết nên bổ sung thêm, ở quyển 47 trang 12b có đoạn viết:

“Vào tháng thứ 12, năm thứ sáu 赤烏 tch'e-wou (Xích Ô) (243), vua nước Phù Nam là 范旃 Fan Tchan (Phạm Chiên) đã gửi một đoàn sứ giả mang nhạc công và sản vật địa phương sang triều cống” (Pelliot, tr.303).

TL3: Chính sử đầu tiên dành một đoạn riêng biệt nói về Phù Nam là bộ *Tấn thư* do Phòng Huyền Linh biên soạn năm 648. Quyển 97 (Liệt truyện 67 tứ di truyện), tr.7b ghi:

“Vương quốc Phù Nam nằm cách nước Lâm Ấp 3.000 lý về phía tây, trong một vịnh biển lớn. Lãnh thổ trải dài trên 3.000 lý. Có nhiều thành phố có tường lũy bao quanh, nhiều dinh thự và nhà ở. (...) Họ có sách vở, kho sách, và nhiều thứ khác. Chữ viết của họ giống với chữ viết của người Hou (Hồ). Hôn quan tang tế của họ gần giống với người 林邑 Lin-yi (Lâm Ấp) (Pelliot, tr.254).

Ngoài đoạn riêng nói về đất nước Phù Nam, *Tấn thư* còn ghi chép 5 sự kiện bang giao với Phù Nam rải rác trong các quyển của phần Đế kỷ như sau: Phù Nam, Lâm Ấp, 馬韓 Ma-han (Mã Hàn), 康居 K'ang-kiu (Khang Cư)... “gửi sứ sang triều cống” trong các quyển 3 và quyển 8.

Ngoài ra, quyển 57 (tức Liệt truyện 27) còn chép tiểu sử của Đào Hoàng Thứ sử Giao Châu, trong đó có nói đến sự liên minh của Lâm Ấp và Phù Nam để đánh phá Giao Châu. Pelliot phát hiện là chi tiết này cũng

được bộ sử nước ta *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* trích dẫn.

TL4: Sách *Tống thư* (420-478) do Thẩm Ước biên soạn, trong quyển 97 (chương Di man truyện) có đoạn viết:

“Vương quốc Phù Nam trong thời yuan-kia (元嘉 Nguyên Gia), 太祖 T'ai-tsou (Tống Thái Tổ) năm thứ 11 (434), 12 (435) và năm thứ 15 (438), vua 持黎跋摩 Tch'e-li-pa-mo (Trì Lê Bạt Ma) cử một sứ giả sang triều

(Ha La Đan), Triều Tiên, Nhật Bản “gửi sứ thần đến nộp triều cống gồm sản vật địa phương”.

TL5: Sách *Nam Tề thư* do Tiêu Tử Hiển biên soạn đã dành một đoạn dài để nói về nước Phù Nam. Ngoài đoạn giới thiệu về huyền sử lập quốc, và về phong tục tập quán của dân chúng, *Nam Tề thư* cho biết vị trí địa lý như sau: “Vương quốc Phù Nam nằm ở phía nam 日南 Je-nan (Nhật Nam), trong một vịnh biển tây đại dương. Bề rộng dài hơn 3.000 lý. Có một con sông lớn chảy từ phía tây ra biển” (tr.256).

Sách này còn nói đến quan hệ giữa Phù Nam với Lâm Ấp và Giao Châu: “Họ thường xuyên bị Lâm Ấp tấn công, và đã không bang giao được với Giao Châu. Vì thế mà sứ giả của họ hiếm khi qua lại với nhau” (tr.262).

TL6: Sách *Lương thư* do Diêu Tư Liêm biên soạn. Quyển 54 (Liệt truyện 48 Chư Di truyện) nói về các nước lân bang, có một đoạn dài dành cho Phù Nam (tr.2b và 5b), trong đó vị trí địa lý của nó được xác định như sau:

“Vương quốc Phù Nam nằm ở phía nam quận Nhật Nam, trong một vịnh lớn phía tây biển, cách Nhật Nam khoảng 7.000 lý, và cách Lâm Ấp khoảng 3.000 lý về phía tây bắc. Kinh đô cách biển 500 lý. Có một con sông lớn chảy

từ hướng tây bắc đổ ra biển ở phía đông. Vương quốc này rộng hơn 3.000 lý. Mặt đất rất thấp và bằng phẳng. (...) Ở biên giới phía nam, cách hơn 3.000 lý có vương quốc 頓遜 Touen-siun (Đốn Tốn) nằm trên một bờ biển hiểm trở. Nước này rộng không quá 1.000 lý. Thành phố cách biển 10 lý. Nước có 5 vua, tất cả đều là thuộc quốc của Phù Nam. Phần lãnh thổ phía đông của Đốn Tốn giáp với Giao Châu; phần lãnh

LE FOU-NAN

PAR M. PAUL PELLIOU

Professeur à l'École française d'Extrême-Orient

C'est par l'Asie centrale qu'au deuxième siècle avant notre ère l'ambassade de Tchong K'ien mit pour la première fois en relations officielles la Chine et l'Occident. Mais Tchong K'ien, parvenu en Bactriane, y avait trouvé des bambous et des soies provenant des provinces actuelles du Yunnan et du Sien-tch'ouan. Les habitants lui apprirent qu'ils les recevaient par l'intermédiaire d'un pays riche qui s'appelait le Chen-tou (l'Inde), et c'est ainsi que Tchong K'ien, songeant aux difficultés de la route du nord sans cesse coupée par les peuples nomades de l'Asie centrale, conçut le projet d'ouvrir à la Chine une voie vers l'Occident par les pays du sud. Comment étaient venues les soies et les bambous? Ou même venaient-ils bien de Chine? Il est assez difficile de le dire. Toujours est-il que les renseignements donnés par Tchong K'ien imprimèrent une nouvelle activité à l'expansion chinoise vers le sud. Le Tonkin, après bien des péripéties, devint province de l'empire. Au milieu des troubles qui amenèrent la chute des Han postérieurs, le Tonkin fut dans la seconde moitié du deuxième siècle de notre ère un asile de paix. En même temps, c'est là que venait désormais aboutir la voie des échanges entre l'Asie antérieure et l'Extrême-Orient; c'est là que débarrassés en 166 de notre ère l'ambassade de l'empereur Marc-Aurèle. Ces relations méritaient en même temps la Chine en rapport avec toute une série d'états intermédiaires qui jalonnaient la route entre le Tonkin et l'Empire d'Orient. Parmi eux, et au-delà du Lin-yi qui occupait la côte orientale de l'Annam, il n'en est pas pour les Chinois qui ait joué pendant les premiers siècles de notre ère un plus grand rôle que le Fou-nan. Du III^e au VIII^e siècle, les textes chinois parlent fréquemment de cet état hindouïste, qui semble avoir été une étape presque obligatoire entre l'Inde et la Chine. Au VIII^e siècle, le nom disparaît sans laisser de traces. Les Chinois n'ont jamais eu depuis lors établi l'identification de ce pays, et les sinologues l'ont transporté du Tonkin dans la Malaisie, et de la Malaisie en Birmanie. Mais les découvertes archéologiques des trente-cinq dernières années sont venues jeter une vive lumière sur l'histoire de la péninsule. Les données chinoises ont été peu à peu précisées. Certains sinologues étaient récemment tentés de placer le Fou-nan dans la région du Siam; pour d'autres, il avait précédé au Cambodge même le Cambodge historique, mais avec une extension beaucoup plus lointaine vers l'ouest, au point de rayonner peut-être jusqu'aux côtes de l'Océan Indien. M. Aymonier, enfin, vient le premier

Trang đầu bài viết *Le Fou-nan* của P. Pelliot trong tạp chí Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient

cống” (Pelliot, tr.255).

Cũng trong quyển này, đoạn nói về Lâm Ấp có ghi việc xảy ra năm 431 hay 432: “Nước Lâm Ấp muốn đánh phá Giao Châu và mượn quân lính của vua Phù Nam, nhưng bị từ chối”.

Ngoài ra trong quyển 5 phần *Bản kỷ* còn có các đoạn ghi chép việc bang giao với Phù Nam vào các năm Nguyên Gia (434, 435, 438) liệt kê các vương quốc Lâm Ấp, Phù Nam, 訶羅單 Ho-lo-tan

thổ phía tây giáp với Thiên Trúc, Parthie và với các vương quốc xa xôi” (Pelliot, tr.263).

Ngoài ra trong quyển 2 và 3 phần *Bản kỷ* có 8 đoạn chép việc bang giao với Phù Nam và các nước trong vùng như vương quốc Phù Nam, Kou-tcha, miền Trung Thiên Trúc, Khoten, Cao Ly... “gởi sứ giả đến nộp cống bằng sản vật địa phương”.

TL7: Sách *Tùy thư* do Ngụy Trưng biên soạn. *Tùy thư* không có phần riêng nói về Phù Nam, nhưng lại xuất hiện hai địa danh mới có liên quan đến Phù Nam, đó là 赤土 Tche-t'ou (Xích Thổ) và 眞臘 Tchen-la (Chân Lạp). Trong quyển 82 có các đoạn như sau: “Xích Thổ là một nhánh từ Phù Nam” (tr.2a); “Nước Chân Lạp nằm ở hướng tây nam Lâm Ấp; ban đầu đó là một chư hầu của Phù Nam... Họ của nhà vua là Kshatriya; tên là Citrasena; tổ tiên của ông dần dần gây thanh thế cho vương quốc; Citrasena chiếm Phù Nam và thống trị vương quốc này” (tr.3a).

TL8: Sách *Nam sử* do Lý Diên Thọ biên soạn vào thế kỷ VII, ghi chép về giai đoạn 420-589. Trong bộ sử này phần nói về Phù Nam giống với *Lương thư*.

TL9: Sách *Tân Đường thư* do Âu Dương Tu và Tống Kỳ biên soạn vào thế kỷ XI. Trong quyển 222 hạ (Liệt truyện 147 hạ Nam man hạ) (tr.2a) có đoạn nói về Phù Nam: “Phù Nam cách Nhật Nam 70 lý⁽¹⁾ về phía nam; mặt đất thấp như ở 攬王 Houan wang (Hoàn Vương) (Champa). (...) Kinh đô đóng tại 特牧 T'ô-mou (Đặc Mục). Thành linh kinh đô bị Chân Lạp đánh phá, nhà vua phải chạy về phía nam ở 那弗那 Na-fou-na” (tr.273-274).

Cũng trong quyển này (tr.2b) có đoạn nói thêm về nước Chân Lạp chiếm Phù Nam: “Vào đầu thời *tcheng-kouan* (貞觀 Trinh Quán) (627-649), vua Kshatriya Içâna chinh phục Phù Nam và chiếm lãnh thổ nước này”.

Mặc dù vương quốc này

không còn nữa, nhưng tên Phù Nam vẫn còn được nhắc đến trong quyển 221 thượng khi bộ sử này nói về nước Thiên Trúc: “Đông Ấn giáp với biển, nó nằm ở vùng lân cận với Phù Nam và Lâm Ấp”, và “Ấn Độ có kim cương, gỗ huỳnh đàn, nghệ, dùng để trao đổi với Đại Tấn, Phù Nam và Giao Chỉ” (tr.275).

TL10: Các sách du ký về Phù Nam: đầu tiên đó là hai ghi chép của hai sứ giả 康泰 K'ang Tai (Khang Thái) và 朱應 Chou Ying (Chu Ứng) vào thế kỷ III. Ghi chép của Khang Thái được các sử gia trích dẫn, và nhất là được 酈道元 Li Tao-yuan (Li Đạo Nguyên) trích và in lại trong *Thủy kinh chú* với tựa là 扶南傳 *Fou nan tchouan* (Phù Nam truyện) hoặc 扶南記 *Fou nan ki* (Phù Nam ký). Ghi chép của Chu Ứng được *Tùy thư* in lại với tựa *Phù Nam dị vật chí*. Sách *Nam sử* cũng in lại với tựa *Phù Nam di Nam ký* nhưng lại ghi tên tác giả là 朱建安 Tchou kien-ngan (Chu Kiến An). Ghi chép thứ ba được biên soạn vào thế kỷ thứ V, tựa là *Phù Nam ký* của Tchou Tche 竺芝, 竺枝 (Trúc Chi) thường được trích dẫn trong *Thủy kinh chú* và *Thái Bình ngự lãm*.

Trong số nhiều trích dẫn từ ba tài liệu này, Pelliot nhận thấy chỉ có một ít cung cấp thêm chi tiết mới. Trong *Thủy kinh chú* (quyển 1, tr.11b) ghi: *Phù Nam truyện* của Khang Thái viết:

“Ngày xưa vào thời Phạm Chiên, có một người thuộc xứ 暎楊 T'ang-yang (Đảm Dương) tên là 家翔梨 Kia-siang-li (Gia Tường Lê) từ bên Thiên Trúc đi từng chặng đường một đến xứ Phù Nam để buôn bán. (...) Phạm Chiên hỏi ông ta: ‘Nước ông cách đây bao xa? Phải mất bao lâu mới đến được nơi đó?’ Gia Tường Lê trả lời là Ấn Độ cách đây hơn 30.000 lý; đi và về phải mất trọn 3 năm, có khi phải đến 4 năm. Đó là trung tâm của trời và đất” (tr.277-278).

TL11: Sách *Ngoại quốc*

truyện được *Thái Bình ngự lãm* chép lại 3 đoạn về Phù Nam, trong đó chỉ nói về phong tục tập quán chứ không có các chỉ dẫn địa lý nào.

TL12: *Tam đồ phú* là bài phú về ba kinh đô của Tả Tư (左思) Tso Sseu viết vào thế kỷ III, trong đó có bài phú kinh đô nhà Ngô (222-280). Đây là thời mà Khang Thái đã đi sứ sang Phù Nam, vì thế trong bài phú này Tả Tư có nhắc đến Phù Nam:

“Nền văn minh của hoàng đế trải dài tận 烏滸 Wou-hou (Ô Hử) và 狼臙 Lang-houang (Lang Hoang), đến Phù Nam và 西屠 Si-t'ou (Tây Đô), đến các thủ lĩnh của 僂耳 Tan-eul (Đam Nhĩ), 黑齒 Hei-tche (Hắc Xi), 金鄰 Kin-lin (Kim lân) và 象郡 Siang-kiun (Tượng Quận). (...) Qua khỏi Phù Nam có nước Kim lân, cách Phù Nam hơn 2.000 lý; sản vật của nước này là bạc; dân chúng đông đúc. Họ thích săn voi to và bắt những con còn sống. Voi chết thì lấy ngà. Tượng Quận chính là quận Nhật Nam ngày nay. Còn có quận Tượng Lâm nữa” (tr.280-281).

TL13: Sách *Bảo Phát tử* (抱朴子) của Cát Hồng (葛洪), một môn đồ Đạo giáo có ghi lại lời truyền miệng về kim cương của xứ Phù Nam mà Pelliot tìm thấy trong *Thái Bình ngự lãm*, tuy nhiên không ghi chỉ dẫn địa lý.

TL14: Sách *Nam châu dị vật chí* (南州異物志) của Vạn Chấn được *Thái Bình ngự lãm* in lại trong quyển 786, trang 12 có nói:

“Vương quốc Phù Nam cách Lâm Ấp 3.000 lý về hướng tây, có vua riêng. Các thuộc quốc đều có quan lại riêng; các tả hữu đại thần của nhà vua đều có tên là 崑崙 K'ouen-louen (Côn Lôn). Nước Touen-souen⁽²⁾ cách Phù Nam 3.000 lý. Ban đầu đó là một vương quốc riêng. Một trong những vị vua trước của Phù Nam là 范蔓 Fan-man (Phạm Man) rất quả cảm; ông đã chinh phục nước này; ngày nay nó thuộc về Phù Nam” (tr.282).

TL15: Sách *Nam phương*

thảo mộc trạng (南方草木状) của Kê Hàm. Pelliot ghi nhận rằng tài liệu này nhiều lần nhắc đến Phù Nam:

Quyển thượng (tr.5a), mục từ nói về 諸蔗 chư giá (một loại mía): “Năm Khang Thái thứ sáu (285), vương quốc Phù Nam nộp cống bằng một loại mía, mỗi trượng có 3 lóng”. Quyển trung (tr.6b), mục từ nói về 抱香履 pao-hiang-lu (bảo hương lý): “Chúng được sản xuất ở Phù Nam, 大秦 Ta-ts'in (Đại Tân) và nhiều vương quốc khác. Năm thứ sáu Khang Thái (285), Phù Nam nộp cống 100 đôi”. Quyển hạ tr.6a, mục từ nói về 雲丘竹 yun-k'ieou-tchou (vân khâu trúc): “Một lóng cây này làm được một chiếc thuyền. Cây này đến từ Phù Nam. Thật ra ở Bắc kỳ và Quảng Đông, Quảng Tây có nhiều loại tre (?), mỗi lóng dài đến 2 trượng⁽³⁾. Những cây có chu vi từ một đến hai trượng là bình thường”.

TL16: Sách *Thủy kinh chú* (水經注) của Lịch Đạo Nguyên cuối thế kỷ V - đầu thế kỷ VI. Trong sách này có hai đoạn liên quan đến vị trí địa lý của Phù Nam:

- Quyển 36, tr.24: Liên quan đến vùng đất xưa của Tượng Lâm sau trở thành kinh đô của Lâm Ấp, *Thủy kinh chú* xác định ranh giới như sau: “Phía đông giáp với biển xanh; phía tây nó trải dài đến 徐狼 Siu-lang (Từ Lang); phía nam giáp với Phù Nam; phía bắc giáp với 九德 Kieou-tô⁽⁴⁾ (Cửu Đức)”.

- Quyển 36, tr.29: Liên quan đến dân man di Từ Lang hay Lang Hoang cư trú ở thượng nguồn sông Lâm Ấp, Lịch Đạo Nguyên mô tả về phương Nam: “Nếu đi xuống, cuối cùng ta đến Phù Nam”.

TL17: Sách *Thông điển* là một sách bách khoa do Đỗ Huy biên soạn cuối thế kỷ VIII, quyển 188 (tr.14) có một bài viết về vương quốc Phù Nam. Ngoài những điều chép lại từ các tài liệu trước đó có một câu liên quan đến

chuyến đi sứ của Phù Nam vào thời nhà Tùy (581-618). *Thái Bình ngự lãm* có ghi câu sau đây cho là trích lại từ *Tùy thư*: “Vào thời nhà Tùy, họ của quốc vương này là 古龍 Kou-long (Cổ Long). Trong vương quốc nhiều người có họ là Kou-long. Người già khi được hỏi thì nói rằng người 崑崙 K'ouen-louen (Côn Lôn) (Mã Lai) không có họ. Tên gọi này là do nói chệch từ chữ K'ouen-louen”. Pelliot còn ghi nhận rằng đoạn trên đây cũng được nhắc lại trong *Thái Bình hoàn vũ ký* (quyển 176, tr.9b) xuất bản cùng thời với *Thái Bình ngự lãm*.

TL18: Ngô lịch (吳曆) nói về đoàn sứ giả đầu tiên đi Trung Hoa, được nhắc lại trong *Đồ thư tập thành* (圖書集成) quyển 334, *Thực hóa điển* (食貨典): “Theo Ngô lịch, năm thứ tư houang-wou (Hoàng Vũ 黃武) (225), nước Phù Nam và nhiều nước ngoài khác đến dâng ngọc lưu-li”. Đoạn này cũng được đăng lại trong *Thái Bình ngự lãm*, nhưng ghi khác năm (thời houang-long [Hoàng Long 黃龍] 229-231). Ngoài ra quyển *Cách trí kính nguyên* (格致鏡原) xuất bản vào thế kỷ XVIII cũng có chép lại đoạn trên (quyển 33, tr.15).

TL19: Sách *Lương tứ công tử ký* (梁四公子記)

Bộ *Thái Bình ngự lãm* có chép lại một đoạn văn của sách *Lương tứ công tử ký* trước thế kỷ VI như sau: Một chiếc thuyền lớn của Phù Nam đến từ Tây Ấn chở bán một loại gương làm bằng thủy tinh xanh; đường kính đo được 1 bộ 5 đốt, cân nặng 45 cân...”.

TL20: Ngô Quân (吳均) (thế kỷ VI) có ghi câu sau đây trong *Hán Ngụy lục triều bách tam gia tập* (漢魏六朝百三家集) về cây mía Phù Nam (tr.8b): “Cây mía Phù Nam có 3 đốt mỗi trượng (10 bộ). Khi mặt trời lên, nó bé lại, nhưng khi gió mát thổi nó uốn cong”.

TL21: Sách *Nam Hải ký quy nội pháp truyện* (南海寄歸內法傳) của Nghĩa Tịnh đã viết về

cuộc hành trình bằng đường biển của mình trên biển Nam từ năm 671-695, trong đó có đoạn như sau: “(Đi từ Chiêm Thành) về phía tây nam khoảng 1 tháng sau thì tới xứ 跋南 Pa-nan (Bạt Nam). Ngày xưa người ta gọi là Phù Nam. (...) Đó là mũi đất phía nam của Janbudvipa; đó không phải là hòn đảo trên biển” (tr.284).

Ngoài ra, trong *Đại Đường Tây Vực cầu pháp cao tăng truyện* của cùng tác giả có nói về các nhà tu hành đi hành hương Ấn Độ, phải băng qua ngàn sông. Trong một chú thích có đoạn: “Vương quốc Pa (hoặc P'i)-nan có cảng ngàn sông”. Trong một đoạn khác, Nghĩa Tịnh kể lại chuyện đi đến Thiên Trúc của các nhà sư Yi-lang 義朗 (Nghĩa Lãng), Yi-hiuan 義玄 (Nghĩa Huyền), và 智岸 Tche-ngan (Trí Ngạn): “Khi họ đến Wou-lei (cách Pakhoi một quãng về hướng tây), họ lên một chiếc thuyền hàng; thuyền họ cheo leo bên vực thẳm; họ vượt muôn nghìn cơn sóng dữ. Họ băng qua nước Phù Nam và cập thuyền ở xứ 郎迦 Lang-kia (Lang Già)”.

TL22: *Kinh sách Tam Tạng* (Tripitaka): Trong bộ sách này có đoạn nói về hai nhà sư người Phù Nam sống ở Trung Hoa vào nửa sau thế kỷ V và nửa đầu thế kỷ VI. Người thứ nhất tên là Sanghapāla hay Sanghavarman (僧伽婆羅 Tăng Già Bà La) tên tiếng Trung Hoa là 衆鑿 Chúng Khải hoặc 僧養 Tăng Dưỡng. Vì Sanghapāla biết nhiều thứ tiếng nên từ năm 500, Vũ Đế nhà Lương cho vời về kinh để dịch sách Phật pháp và trong suốt 16 năm sau đó ông làm việc ở 5 nơi, trong đó có nơi được gọi là 扶南館 Phù Nam quán. Vị tu sĩ thứ hai là 曼陀羅 Man Đà La hoặc Mandrasen 曼陀羅仙 Man Đà La Tiên. Ông đến kinh đô nhà Lương vào năm 503, và được lệnh cùng với Tăng Già Bà La dịch sách.

Sau khi khảo sát tất cả tài

liệu nói trên, Pelliot đi đến những kết luận quan trọng về vị trí của vương quốc này, làm tiền đề cho những khám phá khảo cổ học mấy chục năm sau đó. Lâm Ấp là điểm mốc chắc chắn để từ đó ông tìm cách xác định vị trí của Phù Nam. Như trong TL3 ghi, vào năm 280, Thứ sử Đào Hoàng dâng biểu cho hoàng đế Trung Hoa nói rằng Lâm Ấp: “phía nam giáp với Phù Nam; bộ lạc của họ rất đông; họ kết giao với nhau để hỗ trợ cho nhau”. Rồi TL4 lại ghi khoảng năm 431-432, vua Lâm Ấp cầu viện vua Phù Nam để đánh phá nước An Nam. Hoặc TL5 cho biết vào năm 480, nhà sư Nāgasena vô tình đi lạc vào địa phận của Lâm Ấp, nên buộc phải trở về Phù Nam bằng đường tắt. Rồi TL10 có thông tin Trúc Chi cho biết rằng nước Phù Nam cách Lâm Ấp 4.000 lý, và có thể đi đến đó bằng đường bộ hoặc đường biển. TL16 lại cho biết cuối thế kỷ V – đầu thế kỷ VI, *Thủy kinh chú* cho biết rằng Lâm Ấp phía nam giáp với Phù Nam. Thế mà cho đến thế kỷ XVIII chỉ có Chân Lạp và sau này lần lượt là Campuchia và Nam kỳ lục tỉnh là nước duy nhất vừa ở phía nam Lâm Ấp vừa có ranh giới chung với Lâm Ấp, và có thể đi đến đó bằng đường bộ và đường thủy. Những thông tin ấy cho phép Pelliot kết luận rằng Phù Nam ở phía nam Lâm Ấp, có chung ranh giới với Lâm Ấp, do đó chắc chắn rằng Phù Nam nằm ở đồng bằng sông Cửu Long (Pelliot P., 1903, tr.128).

Pelliot còn đi xa hơn khi suy luận về kinh đô của vương quốc Phù Nam. Các TL5 và TL6 cho biết rằng “có một dòng sông lớn chảy từ tây hoặc tây bắc về hướng đông đổ ra biển. Tôi nghĩ rằng đó chỉ có thể là sông Mêkong. Hơn nữa, kinh đô nằm cách biển 500 lý, và khoảng cách này được tính từ biển mà không nói đến đường đi, được suy đoán là khoảng cách tính bằng đường thủy” (Pelliot P.

1903, tr.128).

Ông suy luận rằng khi các nhà hàng hải thời đó chưa biết eo biển Malacca để đi từ Ấn Độ Dương sang Trung Hoa, có lẽ họ đã đi qua dãy đất hẹp Kra để đến miền Bắc Việt Nam hay Trung Hoa, và luôn dừng chân ở Phù Nam. Đoàn sứ giả Trung Hoa đến kinh đô Phù Nam vào thế kỷ III đã gặp người Thiên Trúc ở đó; từ đó vua 范尋 Phạm Tâm đã đi chinh phục các nước ven biển trong vùng. Đương nhiên là kinh đô này phải nằm trên một dòng sông, và như vậy đó chính là sông Mêkong. Thế mà các cửa sông Mêkong, nếu chấp nhận theo ước tính của Barth (1901) thời ấy các cửa sông chưa lấn xa quá nhiều ra biển, thì đi 500 lý ngược lên thượng lưu dòng sông, tức khoảng 200km, chúng ta sẽ đến một nơi khoảng giữa Châu Đốc và Phnom Penh, trong một vùng dường như đã từng là một trong những trung tâm cổ xưa nhất của nền văn minh Campuchia. Ở đó có lẽ là Angkor-Baurei (tức Angkor-Borei), một bia ký của tỉnh Battambang cho phép ta xác định khá chắc chắn vị trí của thủ đô đầu tiên của Campuchia cổ Vyādhapura. Sẽ không mấy ngạc nhiên khi người Campuchia thời Chân Lạp, Bhavavarman và các hậu duệ của ông, đã chọn vị trí của kinh đô xưa của vương quốc Phù Nam. Những suy luận này mấy chục năm sau đã được nhà khảo cổ L. Malleret công nhận (Malleret L., 1969, tr.47).

Tóm lại, dù cho Pelliot còn có ít nhiều nhầm lẫn, thậm chí sai sót như một số tác giả đã nêu (Wheatley P., 1983; Vickery M., 2003), nhưng công trình của ông đã góp phần to lớn làm sáng tỏ nhiều nghi vấn và điều chỉnh các sai sót của các công trình trước ông, đồng thời xác định được một cách thuyết phục về vị trí địa lý của Phù Nam.

Kết luận

Đại Việt sử ký toàn thư chỉ một lần nhắc đến nước Phù Nam nhân khi nói về việc Lâm Ấp thường liên kết với họ để đánh phá đất Giao Châu (tr.172). *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng vài lần nói về Phù Nam, như Phù Nam, Lâm Ấp và Đường Minh sai sứ dâng cống năm 231 (tr.131). Nhưng cả hai tài liệu trên cũng chỉ dựa vào sách cổ Trung Hoa mà viết ra, chứ không phải là kiến thức do nhà Nho nước ta thu được từ thực tế. Còn Lê Quý Đôn, người được gọi là bác học nước Nam, chúng tôi đã cố công tìm trong các sách của ông nhưng cũng không thấy nói đến vương quốc này. Và có lẽ ngay cả người Trung Hoa đến thế kỷ XIX cũng chỉ sao chép lại những văn bản tản mạn trước đó, chứ không có nghiên cứu đúng nghĩa nào về Phù Nam.

Ngược lại, khi vừa đặt chân đến vùng Viễn Đông, các nhà Hán học phương Tây đã lao vào nghiên cứu thư khố Trung Hoa, và kể cả khảo sát thực địa để khám phá, rồi cung cấp nhiều kiến thức khoa học cho nhân loại. Pelliot không phải là người đầu tiên nói đến Phù Nam, mà là người tổng hợp rất đầy đủ các ghi chép của người Trung Hoa về vương quốc cổ này. Và không cần nói cũng có thể thấy rằng chính những công trình như thế đã kích thích Malleret tìm đến thực địa đồng bằng sông Cửu Long để từ đó khám phá ra di tích Óc Eo.

Chắc chắn rằng những tài liệu mà Pelliot đã khảo sát không hề xa lạ với các nhà Nho Đại Việt. Nhưng họ đã khai thác được gì từ các tài liệu đó để mở mang sự hiểu biết cho dân chúng? Gần như là không có gì cả, ngoài vài lần nhắc đến tên Phù Nam trong chính sử. Chỉ riêng việc này cũng đủ cho thấy tinh thần học tập thụ động
(Xem tiếp trang 63)

Từ nghiên cứu Phù Nam... (Tiếp theo trang 27)

của người Việt: Cơ hội không thiếu, tài liệu có sẵn, nhưng họ chỉ biết ngụp lặn trong các giáo điều Khổng Mạnh để đồ đạc và làm quan, hoặc đắm mình trong thơ phú, không chịu mở mang sự hiểu biết về thế giới xung quanh. Khi từ chối sứ mệnh nâng cao dân trí cho dân tộc mình, họ cũng đồng thời đánh mất cơ hội đóng góp tri thức mới cho nhân loại, một việc mà người phương Tây đã thực hiện xuất sắc từ nhiều thế kỷ gần đây. Sử gia Trần Trọng Kim hoàn toàn có lý khi nhận xét về giới Nho sĩ Việt Nam: “Người đi học đã đồ đạc rồi, tự tin mình là tài giỏi, chỉ vụ lấy cái hoa mỹ bề ngoài để lèo người, chứ không thiết gì đến sự thực học. Tự trung cũng có người muốn thi đỗ để lấy chút danh phận rồi về ở nhà học thêm hay dạy học. Nhưng đại đa số chỉ mong đồ để làm quan vì làm quan là có địa vị tôn quý, ngoài ra không có gì hơn nữa” (Trần Trọng Kim, 1971, tr.250).

Thành tựu về khoa học nói chung, và khoa học xã hội - nhân văn nói riêng của phương Tây không phải là điều ngẫu nhiên: đó là kết quả nổi dài của tinh thần nhân văn từ thời Phục Hưng đã kích thích con người tìm hiểu thế giới xung quanh. Đó còn là kết quả của một chuỗi dài đấu tranh để thiết lập vương quốc của lý trí, để làm bệ phóng cho những sáng tạo rực rỡ trong suốt mấy thế kỷ nay. Có lẽ sẽ không thừa khi nhắc lại rằng chỉ có xã hội học hành, trong đó các định chế chính trị xã hội có nhiệm vụ tôn vinh và hỗ trợ tự do học thuật, thì mới có thể giúp dân tộc thăng hoa về mặt trí tuệ, để góp phần khám phá những điều bí ẩn quanh ta. ■

CHÚ THÍCH:

1. Pelliot phát hiện ra lỗi in ấn: thay vì 七千 (7.000) lại in thành 七十 (70).
2. Theo W. Linehan (1951), vương quốc này được phiên âm bằng nhiều tên khác nhau, như Touen-siun, Tien-souen, Touen-souen, Tun-hsun, Tun-sun. Vì thế đó chính là 頓遜 Đốn Tồn đã nói ở trên.
3. Pelliot nghi là có sự nhầm lẫn với chữ 尺 xích (khoảng 37cm)
4. Pelliot chú thích là ở khoảng Quảng Bình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aymonier E., 1900. *Le Cambodge* (quyển 1). Paris: Ernest Leroux, Editeur.
2. Aymonier E., 1903. “Le Founan”. *T/c Journal Asiatique*, 10^e série, quyển 1 (1903).
3. Barth A., 1898. “Le Pèlerin chinois I-tsing”. *T/c Journal des savants*. Paris: Imprimerie Nationale.
4. Bowring J., 1857. *The kingdom and people of Siam*. London: John W. Parker and Son, West Strand.
5. Chavannes E., 1894. *Mémoire composé à l'époque de la grande dynastie Tang...* Paris: Ernest Leroux, Editeur.
6. Coedes G., 1968. *The Indianized States of Southeast Asia*. Canberra: National University Press.
7. Fauvel A. A., 1879. “Alligators in China”. *Tạp chí Journal of the North-China Branch of the Royal Asiatic Society*, số 13 (1879). Shanghai.
8. Guignes J. de, 1756. *Histoire générale des Huns, des Turcs, des Mogols et des autres Tartares Occidentaux*. Tome 1. Paris: Chez Desaint & Saillant.
9. Julien S., 1847. “Notices sur les pays et les peuples

étrangers, tirées des géographies et des annales Chinoises”. *T/c Journal Asiatique*, tháng 8/1847.

10. Julien S., 1866. *Mélanges géographiques Asiatique*, quyển 1. Paris: Imprimerie Impériale.

11. Klaproth J., 1826. *Tableaux historiques de l'Asie - Atlas*. Paris: A. Schubart Editeur.

12. Linehan W., 1951. “Traces of a bronze age culture associated with iron age implements in the regions of Klang and the Tembeling, Malaya”. *T/c Journal of the Malayan Branch of the Royal Asiatic Society*, Vol. 24, No. 3 (156).

13. Malleret L., 1969. “Histoire abrégée de l'archéologie Indochinoise jusqu'à 1950”. *T/c Asian Perspectives*, XII.

14. Pauthier G., 1839. “Examen méthodique des faits qui concernent le Thien-tchu ou l'Inde”. *T/c Journal Asiatique*, số tháng 9/1839.

15. Rosny L. de, 1881. *Les peuples Orientaux connus des anciens Chinois*. Paris: Ernest Leroux.

16. Takakusu J., 1896. *A record of the Buddhist religion as practised in India and the Malay archipelago*. Oxford: Clarendon Press.

17. Trần Trọng Kim, 1971. *Việt Nam sử lược*, quyển 2. Sài Gòn: Trung tâm Học liệu.

18. Vickery M., 2003. “Funan reviewed: Deconstructing the ancients”. *T/c BEFEO*, số 90-91.

19. Wheatley P., 1983. *Nagara and commandery origins of the Southeast Asian urban traditions*. The University of Chicago: Research Paper Nos. 207-208.

20. Wilford F., 1809. “An essay on the Sacred Isles in the West, with other essays connected with that work”. *Tạp chí Asiatic Researches*, số 9. London.